

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

### **CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017  
(đã được kiểm toán)

M.S.C



## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06 - 34
Bảng cân đối kế toán riêng	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11 - 34

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần DOCIMEXCO (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Docimexco được chuyển đổi từ Công ty Thương nghiệp Xuất nhập khẩu Tổng hợp Đồng Tháp theo Quyết định số 04/QĐ-UBND-TL ngày 12 tháng 01 năm 2007 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc "Chuyển Công ty Thương nghiệp Xuất nhập khẩu Tổng hợp Đồng Tháp thành công ty cổ phần". Tên giao dịch quốc tế DONG THAP TRADING CORPORATION, viết tắt là DOCIMEXCO.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 1400103227 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 07 năm 2007 và thay đổi lần thứ chín ngày 16 tháng 11 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 89 Nguyễn Huệ, phường 1, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Đinh Thị Lan Phương	Chủ tịch
Ông Trần Hữu Hiệp	Ủy viên
Ông Ngô Văn Trị	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Hữu Hiệp	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Thanh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 31/05/2017)
Ông Ngô Văn Trị	Kế toán trưởng	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Đoàn Hồng Nho	Trưởng ban
Bà Lê Thị Loan	Thành viên
Bà Khuu Gia Hỷ	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

**Công ty Cổ phần DOCIMEXCO**

89 Nguyễn Huệ, phường 1, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Hữu Hiệp

Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 03 năm 2018



Số: 040418.001 /BCTC.HCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần DOCIMEXCO

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần DOCIMEXCO được lập ngày 25 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Chúng tôi không được cung cấp báo cáo tài chính năm 2016 và 2017 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Tam Nông, bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện chúng tôi không đủ cơ sở đánh giá khả năng trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng tổn thất (nếu có) đối với khoản đầu tư nêu trên của Công ty tại thời điểm 31/12/2016 và 31/12/2017 cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Đối với khoản công nợ quá hạn phải trả cho Công ty Cổ phần Lương thực Vĩnh Long với số tiền là 97.539.241.187 đồng, hai bên đang tiếp tục thống nhất phương án trả nợ gốc nhưng chưa thỏa thuận được về các vấn đề liên quan đến việc tính và trả các khoản lãi liên quan đến khoản nợ gốc này. Vấn đề này phụ thuộc vào sự thống nhất của các bên, và Chúng tôi chưa có đủ thông tin để xác định được liệu có cần thiết phải ghi nhận các khoản lãi phải trả hay không.

Tại ngày 31/12/2017, Công ty chưa trích lập dự phòng tài chính đầy đủ đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính với số tiền là 488 triệu đồng. Điều này làm cho chỉ tiêu "Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn" trên Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2017 và chỉ tiêu "Chi phí tài chính" trên Báo cáo Kết quả kinh doanh riêng cho năm 2017 bị phản ánh thiếu 488 triệu đồng.

Tại ngày 31/12/2017, Công ty chưa trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi đầy đủ đối với các khoản công nợ đã quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính với số tiền là 632 triệu đồng. Điều này làm cho chỉ tiêu "Dự phòng công nợ phải thu khó đòi ngắn hạn" trên Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2017 và chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trên Báo cáo Kết quả kinh doanh riêng cho năm 2017 bị phản ánh thiếu 632 triệu đồng.

**Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến (tiếp theo)**

Tại ngày 31/12/2017, Công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đầy đủ đối theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính với số tiền là 1,221 tỷ đồng. Điều này làm cho chỉ tiêu “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho” trên Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2017 và chỉ tiêu “Giá vốn hàng bán” trên Báo cáo Kết quả kinh doanh riêng cho năm 2017 bị phản ánh thiếu 1,221 tỷ đồng.

Theo Quyết định số 78/QĐ-UBND-NĐ ngày 06 tháng 03 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc thu hồi đất của Công ty Cổ phần Docimexco thuộc Khu Công nghiệp Sông Hậu tại xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, Công ty đang tiếp tục làm việc với các cơ quan có liên quan thuộc UBND tỉnh Đồng Tháp để xử lý các vấn đề liên quan đến tiền thuê đất đã nộp, giải quyết các nghĩa vụ tài chính với Ngân sách Nhà nước, giải quyết các nghĩa vụ chưa thực hiện về đầu tư hạng mục hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp Sông Hậu và các quyền lợi, nghĩa vụ còn lại với các tổ chức đã ký hợp đồng thuê đất tại Khu công nghiệp Sông Hậu. Đến thời điểm 31/12/2017, do chưa có kết quả làm việc cuối cùng với các cơ quan quản lý Nhà nước cũng như các tổ chức thuê đất, Chúng tôi chưa đủ cơ sở để xác định liệu có cần phải điều chỉnh các số liệu có liên quan đến vấn đề này hay không. (Xem chi tiết tại các Thuyết minh số 13, 14, 18, 19, 20 và 37).

Tại ngày 31/12/2017, trên Bảng cân đối kế toán riêng Công ty đang ghi nhận khoản lỗ lũy kế là 236.873.586.342 VND làm cho vốn chủ sở hữu bị âm 78.701.250.142 VND, tổng nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 95.243.402.325 VND, nợ quá hạn chưa thanh toán là 121.545.054.313 VND (trong đó Nợ người bán là 111.613.352.187 VND và lãi vay phải trả là 9.931.702.126 VND). Những sự kiện này cho thấy có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để có thể xác định rằng giả định này là phù hợp hay không.

**Từ chối đưa ra ý kiến**

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0522-2018-002-1

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 04 năm 2018

Nguyễn Thái

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1623-2018-002-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>31.712.180.309</b>	<b>58.075.693.348</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.303.836.296	5.680.299.909
111	1. Tiền		1.303.836.296	1.680.299.909
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	4.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		20.075.884.564	33.960.019.602
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	16.857.229.632	17.005.662.926
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	12.226.660.000	7.454.692.502
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	18.476.277.821
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.966.594.207	2.985.809.628
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(11.983.422.596)	(11.968.222.596)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		8.823.321	5.799.321
140	IV. Hàng tồn kho	9	4.180.741.407	10.857.945.351
141	1. Hàng tồn kho		4.180.741.407	10.857.945.351
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.151.718.042	7.577.428.486
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	81.136.188	174.129.293
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		5.510.298.285	5.523.299.193
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	560.283.569	1.880.000.000
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>98.096.537.320</b>	<b>86.455.194.265</b>
220	II. Tài sản cố định		43.551.044.871	49.052.232.250
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	31.872.886.834	37.096.551.456
222	- Nguyên giá		94.421.641.901	95.118.614.628
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(62.548.755.067)	(58.022.063.172)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	11.678.158.037	11.955.680.794
228	- Nguyên giá		13.288.638.005	13.288.638.005
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.610.479.968)	(1.332.957.211)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	-	14.602.137.762
231	- Nguyên giá		-	18.380.777.630
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	(3.778.639.868)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		7.672.873.636	7.672.873.636
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	7.672.873.636	7.672.873.636
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	29.674.160.127	14.674.160.127
251	1. Đầu tư vào công ty con		23.975.807.654	8.975.807.654
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		14.735.000.000	14.735.000.000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(9.036.647.527)	(9.036.647.527)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		17.198.458.686	453.790.490
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	17.198.458.686	453.790.490
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>129.808.717.629</b>	<b>144.530.887.613</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>208.509.967.771</b>	<b>208.895.361.935</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>126.955.582.634</b>	<b>125.698.816.282</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	111.690.932.387	111.777.932.389
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	2.680.716.017	105.312.219
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	1.050.144	148.924.856
314	4. Phải trả người lao động		172.688.000	218.043.334
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	2.185.899.912	1.384.227.423
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	10.224.296.174	11.164.376.061
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	-	900.000.000
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>81.554.385.137</b>	<b>83.196.545.653</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	19	80.909.657.137	82.551.817.653
337	2. Phải trả dài hạn khác	20	644.728.000	644.728.000
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>(78.701.250.142)</b>	<b>(64.364.474.322)</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	22	<b>(78.701.250.142)</b>	<b>(64.364.474.322)</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		132.000.000.000	132.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		132.000.000.000	132.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		26.172.336.200	26.172.336.200
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(236.873.586.342)	(222.536.810.522)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(222.536.810.522)	(201.428.058.935)
421b	LNST chưa phân phối lũy kế năm nay		(14.336.775.820)	(21.108.751.587)
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>129.808.717.629</b>	<b>144.530.887.613</b>

*Nguyễn Văn Huệ*

Nguyễn Văn Huệ  
Người lập

*Ngô Văn Trị*

Ngô Văn Trị  
Kế toán trưởng



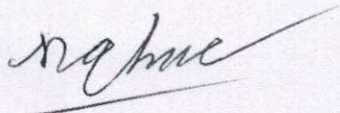
Trần Hữu Hiệp  
Tổng Giám đốc  
Đồng Tháp, ngày 25 tháng 03 năm 2018



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	16.316.170.592	29.934.750.873
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	13.616.350	9.210.000
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		16.302.554.242	29.925.540.873
11	4. Giá vốn hàng bán	26	22.968.569.200	27.655.464.201
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(6.666.014.958)	2.270.076.672
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	601.871.774	2.724.222.643
22	7. Chi phí tài chính	28	272.962.698	1.124.223.713
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>253.350.911</i>	<i>1.087.634.976</i>
25	8. Chi phí bán hàng	29	1.846.285.090	4.236.547.422
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	6.269.794.432	21.883.884.346
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(14.453.185.404)	(22.250.356.166)
31	11. Thu nhập khác	31	173.570.361	1.798.513.824
32	12. Chi phí khác	32	57.160.777	479.176.922
40	13. Lợi nhuận khác		116.409.584	1.319.336.902
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(14.336.775.820)	(20.931.019.264)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	-	177.732.323
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(14.336.775.820)	(21.108.751.587)



Nguyễn Văn Huệ  
Người lập



Ngô Văn Trị  
Kế toán trưởng



Trần Hữu Hiệp

Tổng Giám đốc  
Đồng Tháp, ngày 25 tháng 03 năm 2018

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(14.336.775.820)	(20.931.019.264)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		5.496.292.429	7.046.060.508
03	- Các khoản dự phòng		15.200.000	11.238.567.868
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.607.524)	(3.701.706)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(710.850.381)	(3.841.953.704)
06	- Chi phí lãi vay		253.350.911	1.087.634.976
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(9.284.390.385)	(5.404.411.322)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(3.216.564.097)	12.391.138.635
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		6.677.203.944	(9.748.534.155)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		1.391.348.214	6.944.820.291
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(2.049.537.329)	14.758.009
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.740.689.412)	(2.678.694.188)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(175.000.048)	-
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	1.541.872.500
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(8.397.629.113)	3.060.949.770
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác		300.000.000	2.136.280.000
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(700.000.000)	-
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		4.747.241.627	4.500.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		594.316.349	178.370.985
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		4.941.557.976	6.814.650.985
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(900.000.000)	(19.730.209.116)
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(22.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(922.000.000)	(19.730.209.116)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(4.378.071.137)	(9.854.608.361)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		5.680.299.909	15.531.206.564
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.607.524	3.701.706
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>1.303.836.296</u>	<u>5.680.299.909</u>

Nguyễn Văn Huệ  
Người lập

Ngô Văn Trị  
Kế toán trưởng



Trần Hữu Hiệp  
Tổng Giám đốc  
Đồng Tháp, ngày 25 tháng 03 năm 2018

03  
H  
IE  
T

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Docimexco được chuyển đổi từ Công ty Thương nghiệp Xuất nhập khẩu Tổng hợp Đồng Tháp theo Quyết định số 04/QĐ-UBND-TL ngày 12 tháng 01 năm 2007 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc "Chuyển Công ty Thương nghiệp Xuất nhập khẩu Tổng hợp Đồng Tháp thành công ty cổ phần". Tên giao dịch quốc tế DONG THAP TRADING CORPORATION, viết tắt là DOCIMEXCO.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 1400103227 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 07 năm 2007 và thay đổi lần thứ chín ngày 16 tháng 11 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 89 Nguyễn Huệ, phường 1, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 132.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 132.000.000.000 đồng; tương đương 13.200.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất nông nghiệp; kinh doanh xuất nhập khẩu phân bón, lương thực và kinh doanh bất động sản.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Bán hóa vải sợi, điện máy, xe đạp, xe máy, vật liệu xây dựng, chất đốt, nông sản thực phẩm, lương thực, xuất khẩu lương thực, nông sản, thực phẩm, chế biến đông lạnh được Nhà nước cho phép;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Khai thác cát, đá, đất. Xây dựng công trình, hạng mục công trình. San lấp mặt bằng. Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê. Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp;
- Mua bán, xuất nhập khẩu phân bón các loại. Kinh doanh thuốc thú y; thuốc thú y thủy sản;
- Mua bán, xuất nhập khẩu hóa chất (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp); sản xuất các sản phẩm từ plastic; in bao bì các loại.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty đang lỗ lũy kế là âm 236,873 tỷ đồng làm cho vốn chủ sở hữu bị âm 78,701 tỷ đồng, tổng nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 95,243 tỷ đồng, nợ quá hạn chưa thanh toán là 121,545 tỷ đồng (trong đó Nợ người bán là 111,613 tỷ đồng và lãi chậm trả là 9,931 tỷ đồng). Những yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong năm, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã tái cơ cấu lại Công ty để giúp cho Công ty tăng tính thanh khoản, tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh và sự phát triển trong tương lai. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 dựa trên giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

Theo Quyết định số 78/QĐ-UBND-ND ngày 06 tháng 03 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc thu hồi đất của Công ty Cổ phần Docimexco thuộc Khu Công nghiệp Sông Hậu tại xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, Công ty không ghi nhận doanh thu cơ sở hạ tầng và doanh thu cho thuê đất Khu Công nghiệp của các hợp đồng bị thu hồi với từ Quý II năm 2017 nên so với cùng kỳ năm trước doanh thu cho thuê đất và cơ sở hạ tầng bị sụt giảm.

Thông tin về các công ty con của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

### 2.4 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

## 2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư hoặc Báo cáo tài chính gần nhất của bên nhận đầu tư mà Công ty thu thập được.

## 2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

#### 2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	05 - 30 năm
- Phần mềm quản lý	05 năm

#### 2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### 2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

#### 2.13 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

#### 2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### 2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền trợ cấp việc làm, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.16 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước liên quan đến số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

## 2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.18 . Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



#### 2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là Chiết khấu thương mại.

Các khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

#### 2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

#### 2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### 2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

#### 2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	463.412.825	233.892.328
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	840.423.471	1.446.407.581
Các khoản tương đương tiền	-	4.000.000.000
	<u>1.303.836.296</u>	<u>5.680.299.909</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	23.975.807.654	(8.975.807.654)	8.975.807.654	(8.975.807.654)
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp	23.975.807.654	(8.975.807.654)	8.975.807.654	(8.975.807.654)
Đầu tư vào đơn vị khác	14.735.000.000	(60.839.873)	14.735.000.000	(60.839.873)
- Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Tháp	2.235.000.000	-	2.235.000.000	-
- Công ty Cổ phần Nông nghiệp Tam Nông	12.500.000.000	(60.839.873)	12.500.000.000	(60.839.873)
	<u>38.710.807.654</u>	<u>(9.036.647.527)</u>	<u>23.710.807.654</u>	<u>(9.036.647.527)</u>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào Công ty con

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2017 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp	Đồng Tháp	100%	100%	Kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật

Theo hợp đồng mua bán Công ty Nhà nước giữa Công ty và UBND tỉnh Đồng Tháp ngày 31/12/2007, Công ty mua lại 100% Công ty Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp với giá 1 tỷ đồng và đầu tư thêm 7.975.807.654 đồng. Ngày 08/01/2008, Công ty Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp đã đổi tên thành Công ty TNHH MTV Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp; theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 501400035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp. Trong năm 2011 Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 10,080 tỷ đồng lên 25 tỷ đồng từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối của các năm trước. Ngày 25/06/2017, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp đã chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần (Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp) và tăng vốn điều lệ từ 25 tỷ đồng lên 44 tỷ đồng. Trong đó Công ty Cổ phần Docimexco cam kết và đã thực góp 15 tỷ đồng thông qua chuyển khoản công nợ cho Công ty này vay thành vốn góp, cán bộ công nhân viên Công ty cam kết góp 4 tỷ đồng nhưng thực tế chưa góp.

**Đầu tư vào đơn vị khác**

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Tháp (1)	Đồng Tháp	7,40%	7,40%	Kinh doanh du lịch khách sạn
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Tam Nông (2)	Đồng Tháp	5,10%	5,10%	Kinh doanh gạo

(1) Công ty mua 189.085 cổ phiếu với giá trị là 2.235.000.000 đồng.

(2) Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1401188495 thay đổi lần thứ 7 ngày 15/10/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Tam Nông có vốn điều lệ 500 tỷ đồng, trong đó Công ty Cổ phần Docimexco góp 5,1% vốn điều lệ tương ứng là 25,5 tỷ đồng. Đến thời điểm 31/12/2017, Công ty Cổ phần Docimexco đã góp 12.500.000.000 đồng.

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Công ty Cổ phần Thủy sản Hùng Hậu	3.727.729.222	3.727.729.222
- Công ty Cổ phần Thức ăn chăn nuôi Việt Thắng	13.109.625.412	13.109.625.412
- Các khoản phải thu khách hàng khác	19.874.998	168.308.292
	<b>16.857.229.632</b>	<b>17.005.662.926</b>

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Tư vấn thiết kế và xây dựng Đồng Tháp	493.350.000	-	493.350.000	-
Công ty TNHH Minh Hùng	4.754.000.000	-	-	-
Doanh nghiệp tư nhân Trung Nhứt (*)	6.840.000.000	(6.840.000.000)	6.840.000.000	(6.840.000.000)
Trả trước cho người bán khác	139.310.000	(20.000.000)	121.342.502	(20.000.000)
	<b>12.226.660.000</b>	<b>(6.860.000.000)</b>	<b>7.454.692.502</b>	<b>(6.860.000.000)</b>

(\*) Khoản ứng trước cho Doanh nghiệp tư nhân Trung Nhứt về tiền mua gạo, Công ty đã khởi kiện ra tòa án để thu hồi khoản ứng trước này. Theo Quyết định số 04/2016/QĐST-KDTM ngày 25/03/2016 của Tòa án nhân dân Quận Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ thì Doanh nghiệp tư nhân Trung Nhứt phải trả cho Công ty 6,840 tỷ đồng tiền gốc và 2,039 tỷ đồng tiền lãi chậm thanh toán.

7 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu về lãi tiền gửi ngân hàng	-	-	2.222.222	-
- Tạm ứng	163.561.844	-	1.443.238.801	-
- Ký quỹ tại ngân hàng	64.535.625	-	64.535.625	-
- Phải thu nhân viên tiền thuế TNCN	9.703.015	-	5.977.754	-
- Phải thu về chi phí đầu tư cất giã Công ty Cổ phần VINACONEX Sài Gòn	709.654.728	(709.654.728)	709.654.728	(709.654.728)
- Phải thu Công ty Cổ phần Nông nghiệp Tam Nông	59.316.622	-	84.316.622	-
- Phải thu Nguyễn Hoàng Giang	100.000.000	(100.000.000)	100.000.000	(100.000.000)
- Phải thu Mai Tuyên	553.290.484	(553.290.484)	553.290.484	(553.290.484)
- Phải thu nhân viên đã nghỉ việc	80.498.162	(17.548.162)	17.548.162	(17.548.162)
- Phải thu Trần Quốc Nam	1.221.008.497	-	-	-
- Phải thu khác	5.025.230	-	5.025.230	-
	<u>2.966.594.207</u>	<u>(1.380.493.374)</u>	<u>2.985.809.628</u>	<u>(1.380.493.374)</u>

8 . NỢ XẤU

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán</b>				
- Công ty Cổ phần VINACONEX Sài Gòn	709.654.728	-	709.654.728	-
- Công ty Liên doanh Công nghệ môi trường Việt Nam-Đan Mạch	20.000.000	-	20.000.000	-
- Doanh nghiệp tư nhân Trung Nhứt	6.840.000.000	-	6.840.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thủy sản Hùng Hậu	3.727.729.222	-	3.727.729.222	-
- Mai Tuyên	553.290.484	-	553.290.484	-
- Phải thu các đối tượng khác	195.698.162	62.950.000	117.548.162	-
	<u>12.046.372.596</u>	<u>62.950.000</u>	<u>11.968.222.596</u>	<u>-</u>
Thông tin về khoản phải thu về lãi trả chậm phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu:				
- Doanh nghiệp tư nhân Trung Nhứt	2.039.175.000	-	2.039.175.000	-

9 . HÀNG TỒN.KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên vật liệu	3.357.921.537	-	8.998.742.650	-
Công cụ, dụng cụ	263.378.008	-	379.874.701	-
Thành phẩm	92.858.192	-	918.861.642	-
Hàng hoá	67.869.851	-	147.812.070	-
Hàng gửi đi bán	1.511.627	-	15.452.096	-
Hàng hóa bất động sản	397.202.192	-	397.202.192	-
	<u>4.180.741.407</u>	<u>-</u>	<u>10.857.945.351</u>	<u>-</u>

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>		
- Công trình Cụm tuyến công nghiệp Bắc sông Xáng-Lấp Vò (*)	7.672.873.636	7.672.873.636
	<u>7.672.873.636</u>	<u>7.672.873.636</u>

(\*) Dự án được phê duyệt theo Quyết định số 2259 QĐ-UBND.HC ngày 22/12/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình tuyến Công nghiệp Bắc sông Xáng; số dư là các khoản chi liên quan đến giải phóng mặt bằng.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	37.878.800.983	49.223.771.689	6.989.704.791	991.692.620	34.644.545	95.118.614.628
- Phân loại lại	(125.100.000)	125.100.000	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(696.972.727)	-	-	(696.972.727)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>37.753.700.983</b>	<b>49.348.871.689</b>	<b>6.292.732.064</b>	<b>991.692.620</b>	<b>34.644.545</b>	<b>94.421.641.901</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	22.202.985.036	31.632.226.820	3.175.248.884	976.957.887	34.644.545	58.022.063.172
- Khấu hao trong năm	772.401.902	3.555.323.539	736.001.829	14.734.733	-	5.078.462.003
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(551.770.108)	-	-	(551.770.108)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>22.975.386.938</b>	<b>35.187.550.359</b>	<b>3.359.480.605</b>	<b>991.692.620</b>	<b>34.644.545</b>	<b>62.548.755.067</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	15.675.815.947	17.591.544.869	3.814.455.907	14.734.733	-	37.096.551.456
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>14.778.314.045</b>	<b>14.161.321.330</b>	<b>2.933.251.459</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>31.872.886.834</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

33.980.665.805 VND

**12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	12.818.447.005	470.191.000	13.288.638.005
<b>Số dư cuối năm</b>	<u>12.818.447.005</u>	<u>470.191.000</u>	<u>13.288.638.005</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	877.145.360	455.811.851	1.332.957.211
- Khấu hao trong năm	263.143.608	14.379.149	277.522.757
<b>Số dư cuối năm</b>	<u>1.140.288.968</u>	<u>470.191.000</u>	<u>1.610.479.968</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	11.941.301.645	14.379.149	11.955.680.794
Tại ngày cuối năm	<u>11.678.158.037</u>	<u>-</u>	<u>11.678.158.037</u>

**13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư là cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Sông Hậu với nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 01/01/2017 lần lượt là 18.380.777.630 VND và 3.778.639.868 VND; trong năm số khấu hao tính vào chi phí là 140.307.669 VND;

Trong năm Công ty điều chỉnh giảm nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của Bất động sản đầu tư với Giá trị còn lại là 14.461.830.093 VND do Công ty bù trừ chi phí đầu tư hạ tầng KCN Sông Hậu với tiền thuê đất phải nộp Nhà nước theo Công văn số 208/UBND-KTN ngày 03/05/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp xem chi tiết tại thuyết minh số 37.

**14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	340.609	5.578.392
Chi phí bao bì luân chuyển chờ phân bổ	7.008.619	-
Chi phí bảo hiểm chờ phân bổ	22.565.816	20.488.490
Chi phí sửa chữa tài sản chờ phân bổ	14.714.495	31.456.363
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	36.506.649	116.606.048
	<u>81.136.188</u>	<u>174.129.293</u>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	42.367.493	162.390.314
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	98.781.764	269.872.145
Chi phí tiền thuê đất của Khu công nghiệp Sông Hậu	17.009.624.399	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	47.685.030	21.528.031
	<u>17.198.458.686</u>	<u>453.790.490</u>

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long	97.539.241.187	97.539.241.187	97.539.241.187	97.539.241.187
- Công ty Cổ phần Hoàn Mỹ	10.007.245.000	10.007.245.000	10.094.245.000	10.094.245.000
- Công ty Cổ phần Cơ khí Đức Thành	2.285.325.000	2.285.325.000	2.285.325.000	2.285.325.000
- Công ty Cổ phần Cơ khí Sinco	1.781.541.000	1.781.541.000	1.781.541.000	1.781.541.000
- Phải trả các đối tượng khác	77.580.200	77.580.200	77.580.202	77.580.202
	<b>111.690.932.387</b>	<b>111.690.932.387</b>	<b>111.777.932.389</b>	<b>111.777.932.389</b>
<b>b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>				
- Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long	97.539.241.187	97.539.241.187	105.107.000.000	105.107.000.000
- Công ty Cổ phần Hoàn Mỹ	10.007.245.000	10.007.245.000	10.094.245.000	10.094.245.000
- Công ty Cổ phần Cơ khí Đức Thành	2.285.325.000	2.285.325.000	2.785.325.000	2.785.325.000
- Công ty Cổ phần Cơ khí Sinco	1.781.541.000	1.781.541.000	1.781.541.000	1.781.541.000
	<b>111.613.352.187</b>	<b>111.613.352.187</b>	<b>119.768.111.000</b>	<b>119.768.111.000</b>



16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Ngọc Diệp	66.841.377	66.841.377
Công ty TNHH Nông sản Ngân Phát (*)	1.700.000.000	-
Công ty CP Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp	882.877.600	-
Doanh nghiệp tư nhân Phước Cường	9.998.500	9.998.500
Doanh nghiệp tư nhân Thái Thị Thu Hạnh	6.686.900	6.686.900
Công ty TNHH Một thành viên Ngân Tài Sa Đéc	1.182.750	1.182.750
Công ty TNHH sản xuất Thương mại Thu Phương	5.761.250	5.761.250
Công ty TNHH Nông sản Hưng Long Miền Tây	841.440	841.440
Chi nhánh Công ty Cổ phần SUNA tại Cần Thơ	6.526.200	14.000.002
	<u>2.680.716.017</u>	<u>105.312.219</u>

(\*) Khoản ứng trước của hợp đồng chuyển nhượng đất tại Khu Công nghiệp Bắc Sông Xáng.

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	114.716.479	-	175.000.048	60.283.569	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	34.208.377	58.127.316	91.285.549	-	1.050.144
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	1.880.000.000	-	3.277.213.421	1.897.213.421	500.000.000	-
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
	<u>1.880.000.000</u>	<u>148.924.856</u>	<u>3.340.340.737</u>	<u>2.168.499.018</u>	<u>560.283.569</u>	<u>1.050.144</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	-	536.558.706
Trích trước chi phí sản xuất gạo đỏ	239.847.000	-
Trích trước tiền thuê hạ tầng Khu công nghiệp Sông Hậu	138.202.247	-
Trích trước tiền thuê đất Khu công nghiệp Sông Hậu	1.623.916.910	520.075.212
Trích trước chi phí trợ cấp mất việc làm	183.933.755	327.593.505
	<u>2.185.899.912</u>	<u>1.384.227.423</u>

19 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Doanh thu nhận trước	80.909.657.137	82.551.817.653
	<u>80.909.657.137</u>	<u>82.551.817.653</u>

Doanh thu chưa thực hiện là các khoản tiền nhận trước về việc cho thuê đất nhiều năm theo các hợp đồng cho thuê lại đất tại Khu công nghiệp Sông Hậu ký giữa Công ty và các đơn vị thuê đất trong Khu công nghiệp Sông Hậu.

20 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	7.278.251	7.050.299
- Kinh phí công đoàn	74.164.190	52.448.258
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	139.220.000	161.220.000
- Phải trả lãi vay Công ty Cổ phần Hoàn Mỹ	2.714.822.879	2.714.822.879
- Phải trả lãi vay Ngân hàng	7.216.879.247	8.167.659.042
- Phải trả Trần Quốc Nam	71.025.168	61.145.583
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	906.439	30.000
	<u>10.224.296.174</u>	<u>11.164.376.061</u>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Phải trả ngân sách Nhà nước (*)	644.728.000	644.728.000
	<u>644.728.000</u>	<u>644.728.000</u>

(\*) Nguồn vốn đầu tư vào Khu công nghiệp Sông Hậu do Ngân sách Nhà nước thực hiện.

<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>		
- Lãi phải trả Công ty Cổ phần Hoàn Mỹ	2.714.822.879	2.714.822.879
- Lãi vay phải trả ngân hàng	7.216.879.247	8.167.659.042
	<u>9.931.702.126</u>	<u>10.882.481.921</u>

21 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	900.000.000	900.000.000	-	900.000.000	-	-
- Chi nhánh Đồng Tháp						
	<b>900.000.000</b>	<b>900.000.000</b>	<b>-</b>	<b>900.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>b) Số vay quá hạn chưa thanh toán</b>						
	31/12/2017		01/01/2017			
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi		
	VND	VND	VND	VND		
- Vay ngân hàng	-	7.216.879.247	900.000.000	8.167.659.042		
	<b>-</b>	<b>7.216.879.247</b>	<b>900.000.000</b>	<b>8.167.659.042</b>		

**23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**a) Ngoại tệ các loại**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	5.252,93	24.060,58
- Đồng Euro (EUR)	1.125,00	1.226,12

**b) Nợ khó đòi đã xử lý**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	7.449.471.307	7.449.471.307

**24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	14.665.852.076	26.005.362.805
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê đất, cơ sở hạ tầng và kho	1.650.318.516	3.929.388.068
	<u><u>16.316.170.592</u></u>	<u><u>29.934.750.873</u></u>

**25 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	13.616.350	9.210.000
	<u><u>13.616.350</u></u>	<u><u>9.210.000</u></u>

**26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	21.384.049.596	26.582.579.989
Giá vốn của dịch vụ cho thuê đất, Cơ sở hạ tầng và kho	1.584.519.604	1.072.884.212
	<u><u>22.968.569.200</u></u>	<u><u>27.655.464.201</u></u>

**27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	21.130.321	114.094.864
Lãi ứng vốn cho vay	570.963.806	2.476.764.100
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	35.471.399
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	8.170.123	94.190.574
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.607.524	3.701.706
	<u><u>601.871.774</u></u>	<u><u>2.724.222.643</u></u>

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	253.350.911	1.087.634.976
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	19.611.787	36.588.737
	<b>272.962.698</b>	<b>1.124.223.713</b>

29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	103.461.104	138.296.030
Chi phí nhân công	858.610.120	1.506.030.344
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.836.260	2.328.417.608
Chi phí khác bằng tiền	852.377.606	283.803.440
Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm	-	(20.000.000)
	<b>1.846.285.090</b>	<b>4.236.547.422</b>

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.761.818	605.042.751
Chi phí nhân công	2.679.940.855	3.970.099.337
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.322.387.065	1.588.959.496
Thuế, phí, lệ phí	219.394.343	119.529.398
Chi phí dự phòng	15.200.000	11.238.567.868
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.977.170.655	2.060.089.670
Chi phí khác bằng tiền	51.939.696	2.301.595.826
	<b>6.269.794.432</b>	<b>21.883.884.346</b>

31 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	118.756.254	1.798.506.680
Thu nhập từ bán phế liệu, CCDC	6.000.000	-
Thu nhập từ chênh lệch tiền đất phải nộp	48.807.587	-
Thu nhập khác	6.520	7.144
	<b>173.570.361</b>	<b>1.798.513.824</b>

32 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chênh lệch tiền bồi thường nhận được với khoản ứng trước	-	479.176.695
Phạt chậm nộp thuế	57.160.597	-
Chi phí khác	180	227
	<b>57.160.777</b>	<b>479.176.922</b>

33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(14.336.775.820)	(21.819.680.881)
Các khoản điều chỉnh tăng	57.160.597	-
- Chi phí không hợp lệ	57.160.597	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(35.471.399)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(35.471.399)
Thu nhập tính thuế TNDN	(14.279.615.223)	(21.855.152.280)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Thuế suất 20%)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(60.283.569)	(60.283.569)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm của hoạt động kinh doanh chính</b>	<b>(60.283.569)</b>	<b>(60.283.569)</b>
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế từ HĐKD bất động sản	-	888.661.617
Thu nhập tính thuế TNDN	-	888.661.617
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>177.732.323</b>
Các khoản tạm nộp trên số tiền thu trước của HĐKD bất động sản	-	-
	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	175.000.048	(2.732.275)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(175.000.048)	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HĐKD bất động sản</b>	<b>-</b>	<b>175.000.048</b>
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	177.732.323
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>(60.283.569)</b>	<b>114.716.479</b>

34 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.446.125.810	17.523.856.148
Chi phí nhân công	2.614.191.412	4.223.764.280
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.496.292.429	7.046.060.508
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.590.512.396	6.610.540.480
Chi phí khác bằng tiền	1.012.613.738	2.676.923.533
<b>Tổng chi phí sản xuất kinh doanh</b>	<b>17.159.735.785</b>	<b>38.081.144.949</b>

### 35 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.303.836.296	-	5.680.299.909	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	19.823.823.839	(5.123.422.596)	19.991.472.554	(5.108.222.596)
Các khoản cho vay	-	-	18.476.277.821	-
	<u>21.127.660.135</u>	<u>(5.123.422.596)</u>	<u>44.148.050.284</u>	<u>(5.108.222.596)</u>
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			-	900.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác			122.559.956.561	123.587.036.450
Chi phí phải trả			2.185.899.912	1.384.227.423
			<u>124.745.856.473</u>	<u>125.871.263.873</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

#### Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

#### Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.303.836.296	-	-	1.303.836.296
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.700.401.243	-	-	14.700.401.243
	<u>16.004.237.539</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>16.004.237.539</u>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.680.299.909	-	-	5.680.299.909
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.883.249.958	-	-	14.883.249.958
Các khoản cho vay	18.476.277.821	-	-	18.476.277.821
	<u>39.039.827.688</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>39.039.827.688</u>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	121.915.228.561	644.728.000	-	122.559.956.561
Chi phí phải trả	2.185.899.912	-	-	2.185.899.912
	<u>124.101.128.473</u>	<u>644.728.000</u>	<u>-</u>	<u>124.745.856.473</u>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Vay và nợ	900.000.000	-	-	900.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	122.942.308.450	644.728.000	-	123.587.036.450
Chi phí phải trả	1.384.227.423	-	-	1.384.227.423
	<u>125.226.535.873</u>	<u>644.728.000</u>	<u>-</u>	<u>125.871.263.873</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là cao. Công ty không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



NG  
HỆM  
TIỀN  
AS  
M





**36 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
a) Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ		
Chuyển nợ thành khoản đầu tư vốn tại công ty con	15.000.000.000	-
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	900.000.000	19.730.209.116

**37 . THÔNG TIN KHÁC**

Theo Quyết định số 78/QĐ-UBND-NĐ ngày 06 tháng 03 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc thu hồi đất của Công ty Cổ phần Docimexco thuộc Khu Công nghiệp Sông Hậu tại xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp; Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp quyết định thu hồi 632.694,9m<sup>2</sup> đất của Công ty Cổ phần Docimexco thuộc Khu công nghiệp Sông Hậu tại xã Tân Thành, huyện Lai Vung tỉnh Đồng Tháp và giao lại cho Trung tâm Đầu tư và Khai thác Hạ tầng thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế để quản lý và khai thác. Theo Quyết định này Công ty Cổ phần Docimexco có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các nghĩa vụ tài chính về đất đai, thanh lý các hợp đồng cho các tổ chức thuê lại đất trước đây và cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để chỉnh lý theo quy định pháp luật. Công ty đang làm thủ tục thanh lý các hợp đồng thuê đất của các tổ chức đã thuê đất trước đây.

Căn cứ theo Công văn số 208/UBND-KTN ngày 03/05/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc phải trả tiền thuê đất 01 lần đối với Khu công nghiệp Sông Hậu với số tiền là 17.352.100.058 đồng; cho phép Công ty bù trừ tiền thuê đất phải nộp này với chi phí đầu tư hạ tầng Khu Công nghiệp mà Công ty đã bỏ ra tính đến thời điểm ngày 28/02/2017 là 14.510.637.680 đồng. Công ty đã bù trừ chi phí đầu tư này với số tiền thuê đất phải nộp và Công ty đã nộp bổ sung số tiền còn lại.

**38 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

**39 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Kinh doanh gạo	Cho thuê đất, kho và dịch vụ khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	14.652.235.726	1.650.318.516	16.302.554.242
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	<u>(6.731.813.870)</u>	<u>65.798.912</u>	<u>(6.666.014.958)</u>
Tài sản bộ phận trực tiếp	112.799.093.230	17.009.624.399	129.808.717.629
Tổng tài sản	<u>112.799.093.230</u>	<u>17.009.624.399</u>	<u>129.808.717.629</u>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	126.955.582.634	81.554.385.137	208.509.967.771
Tổng nợ phải trả	<u>126.955.582.634</u>	<u>81.554.385.137</u>	<u>208.509.967.771</u>

Theo khu vực địa lý

	Xuất khẩu	Nội địa	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.943.866.310	9.358.687.932	16.302.554.242
Tài sản bộ phận	55.290.377.674	74.518.339.955	129.808.717.629

#### 40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
<b>Công ty CP Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp</b>		<b>21.127.437.333</b>	<b>2.443.880.761</b>
Chi phí thuê nhà	Công ty con	-	550.000.000
Thu nhập từ lãi cho vay		570.963.806	1.893.880.761
Góp thêm vốn		15.000.000.000	-
Cho vay vốn		700.000.000	-
Thu hồi vốn cho vay		4.747.241.627	-
Bán hàng hóa		109.231.900	-

	Mối quan hệ	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim</b>		-	-
Thu nhập từ lãi chậm thanh toán	Cổ đông lớn	-	582.883.339

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
		VND	VND
<b>Phải thu khác</b>		-	-
Công ty CP Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp	Công ty con	-	18.476.277.821
<b>Người mua trả tiền trước</b>		<b>882.877.600</b>	-
Công ty CP Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp	Công ty con	882.877.600	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	-	421.373.268
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	204.458.382	48.599.732

#### 41 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Nguyễn Văn Huệ  
Người lập

Ngô Văn Trị  
Kế toán trưởng



Trần Hữu Hiệp  
Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 03 năm 2018